

Số: 11 /2018/QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 15 tháng 5 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Quy định Bộ tiêu chí thôn nông thôn mới kiểu mẫu và thẩm quyền xét, công nhận, công bố thôn nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 36/TTr-SNN ngày 16/4/2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định Bộ tiêu chí thôn nông thôn mới kiểu mẫu tại các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới và thẩm quyền xét, công nhận, công bố thôn nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Bắc Giang như sau:

1. Bộ tiêu chí: Thực hiện theo Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.
2. Thẩm quyền xét, công nhận và công bố thôn nông thôn mới kiểu mẫu: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố.
3. Khen thưởng thôn đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu theo kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh 20 triệu đồng/thôn từ nguồn vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia (sau đây viết tắt là MTQG) xây dựng nông thôn mới hàng năm.

Điều 2. Hiệu lực thi hành: Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 6 năm 2018.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

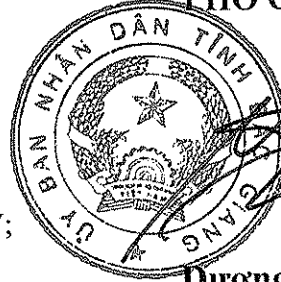
1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và đơn vị có liên quan hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các địa phương triển khai thực hiện Quyết định này.

2. Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Chánh Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Bắc Giang;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- + LĐVP, TH, Trung tâm Thông tin, các phòng CV;
- + Lưu VT, NN Tháng.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Dương Văn Thái

**PHỤ LỤC BỘ TIÊU CHÍ THÔN NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC GIANG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 44 /2018/QĐ-UBND ngày 15 /5/2018
của UBND tỉnh Bắc Giang)*

TT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
1	Giao thông	1.1. Đường trục thôn	
		- Tỷ lệ km đường trục thôn được cứng hóa (nhựa hóa, bê tông hóa), mặt đường rộng tối thiểu 3,5 m, trường hợp hiện trạng không thể mở rộng theo quy định thì thực hiện theo thực tế nhưng phải bố trí điểm tránh xe thuận lợi dọc tuyến	100%
		- Tỷ lệ km đường trục thôn trong khu đông dân cư có điện chiếu sáng	100%
		- Tỷ lệ km đường trục thôn được xanh hóa (trồng cây bóng mát, trồng hoa, cây xanh được cắt tỉa gọn đẹp)	≥ 50%
		- Tỷ lệ km đường trục thôn trong khu đông dân cư có rãnh thoát nước dọc hoặc đảm bảo thoát nước tốt không gây ứ đọng	100%
		- Các tuyến đường trục thôn được giao cho các tổ chức đoàn thể hoặc hộ gia đình đảm nhận tự quản để thực hiện quét dọn, phát quang, vệ sinh sạch sẽ thường xuyên	Đạt
		1.2. Đường ngõ, xóm	
		- 90% đường ngõ, xóm được cứng hóa (nhựa hóa, bê tông hóa), mặt đường rộng tối thiểu 2,5 m; còn lại mặt đường sạch, không lầy lội và đảm bảo không ứ đọng nước vào mùa mưa	Đạt
- Tỷ lệ km đường ngõ xóm có điện chiếu sáng	≥ 90%		
- Các tuyến đường ngõ, xóm được giao cho các tổ tự quản, hộ gia đình để giữ gìn vệ sinh môi trường, đảm bảo sạch đẹp	Đạt		
2	Vệ sinh môi trường	2.1. Đường trục thôn, ngõ, xóm, nhà văn hóa thôn, từng hộ gia đình thường xuyên được vệ sinh sạch sẽ, cảnh quan môi trường sáng - xanh - sạch - đẹp	Đạt
		2.2. Có tổ vệ sinh môi trường hoạt động hiệu quả; rác thải được phân loại ngay từ hộ gia đình (rác hữu cơ - vô cơ); đổ rác đúng nơi và thời gian quy định, không có tình trạng vứt rác thải ra nơi công cộng; rác thải được thu gom, vận chuyển về nơi xử lý tập trung; không có điểm tồn lưu rác thải	Đạt

TT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
		2.3. Hệ thống thoát nước, kênh mương, ao, hồ thường xuyên được khơi thông, luôn sạch rác thải	Đạt
		2.4. Hàng tuần tổ chức tối thiểu 01 lần làm vệ sinh chung toàn thôn (đường làng, ngõ xóm, nhà văn hóa, khu thể thao thôn, chỉnh trang hàng rào, cây xanh ven đường)	Đạt
		2.5. 100% hộ gia đình đều có ý thức và tham gia bảo vệ cảnh quan môi trường và ký cam kết không gây ô nhiễm môi trường; 100% hội viên hội phụ nữ thực hiện có hiệu quả cuộc vận động gia đình “5 không, 3 sạch”	Đạt
3	Phát triển sản xuất	3.1. Có tối thiểu 01 mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm	Đạt
		3.2. Có tối thiểu 10% số hộ trong thôn có mô hình sản xuất (trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản...) thu nhập bình quân trên 100 triệu đồng/năm	Đạt
		3.3. Tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn thôn theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020	$\leq 4\%$
4	Nhà ở và vườn hộ gia đình	4.1. Nhà ở và công trình phụ trợ	
		- Đồ đạc, vật dụng trong nhà được sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp, khoa học	Đạt
		- Các công trình phụ trợ (bếp ăn, nhà tắm, công trình vệ sinh) được bố trí hợp mỹ quan, gọn gàng, ngăn nắp, thuận tiện sinh hoạt, thường xuyên được quét dọn vệ sinh sạch sẽ	Đạt
		- Tỷ lệ hộ có chuồng trại chăn nuôi cách xa nhà ở (không nằm ở 2 bên từ cổng vào nhà), có sử dụng bể biogas hoặc chế phẩm sinh học đảm bảo không có mùi hôi gây ô nhiễm môi trường	$\geq 90\%$
		- Đường vào nhà được cứng hóa hoặc đảm bảo không lầy lội vào mùa mưa, được quét dọn hàng ngày, khuyến khích dựng khung giàn trồng các loại cây leo có giá trị kinh tế, trồng hàng rào cây xanh, trồng hoa, cây cảnh hai bên đường vào nhà	Đạt
		4.2. Vườn hộ gia đình	
		- Vườn hộ gia đình có quy hoạch và trồng các cây trồng thích hợp phục vụ sinh hoạt, cảnh quan hoặc sản xuất hàng hóa cho thu nhập cao; không để diện tích bỏ hoang, thường xuyên phát dọn, không còn các loại cây dại, tạp	$\geq 90\%$
- Sản phẩm từ vườn đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm	Đạt		

TT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
5	Nhà văn hóa, Khu thể thao thôn	5.1. Nhà văn hóa thôn	
		- Nhà văn hóa thôn đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, thể thao và du lịch; có đủ bàn ghế, trang thiết bị phục vụ họp, văn hóa, văn nghệ; có công trình vệ sinh sạch sẽ, đảm bảo tiêu chuẩn	Đạt
		- Bên trong và khuôn viên nhà văn hóa thôn được sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp, thường xuyên được vệ sinh sạch sẽ; có quy chế quản lý, sử dụng nhà văn hóa thôn, có nội quy, quy ước, pano tuyên truyền nông thôn mới	Đạt
		- Khuôn viên nhà văn hóa thôn có trồng cây xanh, cây bóng mát, hoa; nhà văn hóa thôn có tường rào, cổng, khuyến khích hàng rào bằng cây xanh, cây bóng mát hoặc hàng rào khác phủ cây xanh được cắt tỉa gọn đẹp	Đạt
		5.2. Khu thể thao thôn	
		- Khu thể thao thôn đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, thể thao và du lịch	Đạt
		- Trồng cây bóng mát, cây xanh được cắt tỉa gọn đẹp xung quanh khu thể thao thôn	Đạt
		- Có trang bị dụng cụ luyện tập thể thao đáp ứng nhu cầu vui chơi giải trí cho trẻ em và người cao tuổi	Đạt
6	Văn hóa, y tế	6.1. Văn hóa	
		- Tỷ lệ hộ gia đình đạt tiêu chuẩn Gia đình văn hóa	≥ 95%
		- Thôn được công nhận và giữ vững danh hiệu Thôn văn hóa 05 năm liên tục đến năm xét, công nhận	Đạt
		- Có câu lạc bộ (đội, nhóm) văn nghệ, thể thao hoạt động thường xuyên; tối thiểu 80% số hộ, hội viên, đoàn viên tham gia các phong trào, hoạt động cộng đồng do địa phương phát động	Đạt
		- 100% hộ gia đình thực hiện tốt các quy định về nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội	Đạt
		6.2. Y tế	
		- Tỷ lệ người dân tham gia BHYT	100%
		- Không phát sinh thêm đối tượng mắc bệnh xã hội trong năm xét công nhận	Đạt

TT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
7	Hệ thống chính trị, An ninh, trật tự xã hội	7.1. Chi bộ thôn đạt danh hiệu trong sạch vững mạnh 05 năm liên tiếp đến năm xét, công nhận	Đạt
		7.2. Trong 02 năm liên tục (tính đến thời điểm xét, công nhận thôn nông thôn mới kiểu mẫu) an ninh trật tự được đảm bảo, không có vụ việc hình sự xảy ra, không có cá nhân hoạt động chống đảng, chính quyền, phá hoại kinh tế, truyền đạo trái phép, tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội; có mô hình tự quản bảo vệ an ninh trật tự hoạt động thường xuyên, hiệu quả	Đạt
		7.3. Tỷ lệ người dân chấp hành nghiêm pháp luật, quy ước, hương ước của địa phương, không có cá nhân bị phê bình, cảnh cáo trước nhân dân trong năm xét công nhận	≥ 90%